

Số: **11** /2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **30** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1677/TTr-SNN ngày 23 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;
- Thường trực Thành ủy, Huyện ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Nguyên, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số **11** /2023/QĐ-UBND ngày **30** tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên gồm chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là Quỹ cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai.

Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ

1. Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước và có cùng nội dung hỗ trợ.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả, đúng định mức và nguồn tài chính của Quỹ cấp tỉnh.

3. Các cơ quan tổ chức chi hỗ trợ có trách nhiệm xác định đúng đối tượng, nội dung và định mức chi theo quy định để thực hiện việc chi theo thẩm quyền.

Điều 3. Quy định phân bổ kinh phí được quản lý, sử dụng nguồn thu từ Quỹ cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% trên tổng số thu quỹ phòng, chống thiên tai thu được trên địa bàn, trong đó: hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3%; chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Đối với các xã khu vực III, mức phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã không tính theo tỷ lệ nói trên mà được tính bằng số tiền của đơn vị cấp xã được phân bổ thấp nhất trong số các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh tính theo tỷ lệ 28% số thu được quy định ở trên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại 23% trên tổng số thu quỹ phòng, chống thiên tai thu được trên địa bàn (bao gồm cả 72% số thu của cấp xã nộp lên), trong đó: chỉ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện 20% ; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ 3%. Số tiền còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

3. Quỹ cấp tỉnh sử dụng 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh để chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh, số còn lại chi cho các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo quy định.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1. Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/lần.

2. Hỗ trợ chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: Mức hỗ trợ 80.000 đồng/người/ngày.

3. Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai.

a) Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa.

4. Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai trong thời gian thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa được đảm bảo bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước: Mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Mức hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng);

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày (thời gian không quá 05 ngày/đợt thiên tai);

c) Cứu trợ khẩn cấp về sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức hỗ trợ 200.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở cho người dân, hộ gia đình vùng thiên tai

Người dân, hộ gia đình có nhà bị thiệt hại thuộc đối tượng bảo trợ xã hội thì thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trường hợp không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện hỗ trợ theo mức như sau:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, cuốn trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/nhà/hộ;

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở: Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhà/hộ.

3. Hỗ trợ cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai

a) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức hỗ trợ theo dự toán được duyệt, tối đa 300.000.000 đồng/công trình;

b) Hỗ trợ khẩn cấp xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức hỗ trợ theo kế hoạch được duyệt, tối đa 10.000.000 đồng/xã.

4. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách và mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

5. Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở: Mức hỗ trợ theo dự toán được duyệt, tối đa 300.000.000 đồng/công trình.

6. Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3,0 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

Điều 6. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

1. Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa...tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng): Mức hỗ trợ theo kế hoạch được duyệt, tối đa không quá 40.000.000 đồng/năm.

2. Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi căn cứ theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh.

3. Sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/hộ.

4. Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Mức hỗ trợ theo kế hoạch được duyệt, tối đa 30.000.000 đồng/lớp hoặc đợt.

5. Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi căn cứ theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh.

6. Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh.

7. Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê (bảo vệ đê điều), lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai

a) Hỗ trợ tập huấn cho các đối tượng tham gia hộ đê (bảo vệ đê điều), lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

b) Hỗ trợ duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê (bảo vệ đê điều), lực lượng quản lý đê nhân dân: Thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

c) Hỗ trợ duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại mục 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

8. Xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng (hỗ trợ thuê dịch vụ đo mưa tự động tại cộng đồng; cảnh báo, dự báo thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn,...): Mức chi căn cứ theo kế hoạch, dự toán được duyệt và khả năng cân đối của Quỹ cấp tỉnh.

9. Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo kế hoạch, dự toán được duyệt về mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai phục vụ cho hoạt động phòng chống thiên tai đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Chi phí hành chính phát sinh trong việc thu, quản lý, điều hành hoạt động và các nội dung chi khác của Quỹ cấp tỉnh

1. Chi hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ: Mức chi thanh quyết toán theo thực tế hoạt động trong tổng số kinh phí được giữ lại ở cấp xã theo quy định.

2. Chi phí hành chính phát sinh trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quỹ cấp tỉnh): Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định mức chi đảm bảo cho công tác cải cách hành chính nhà nước, mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các văn bản có liên quan.

3. Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nguồn kinh phí được giữ lại theo quy định: Thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy định này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong thời gian Quy định được cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành./.